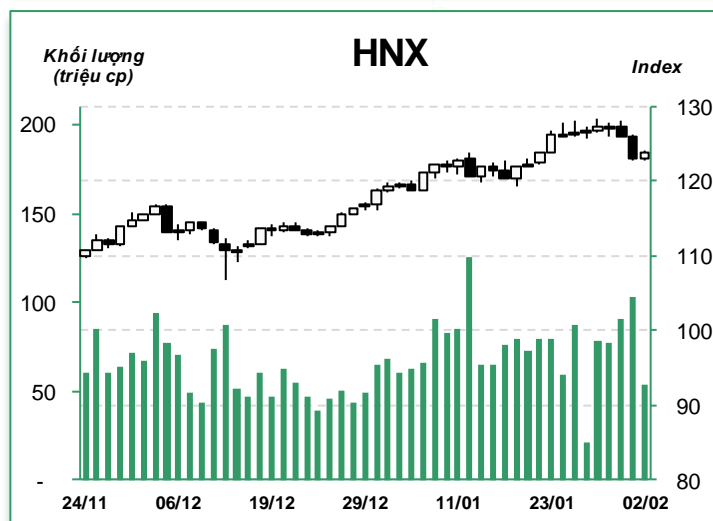
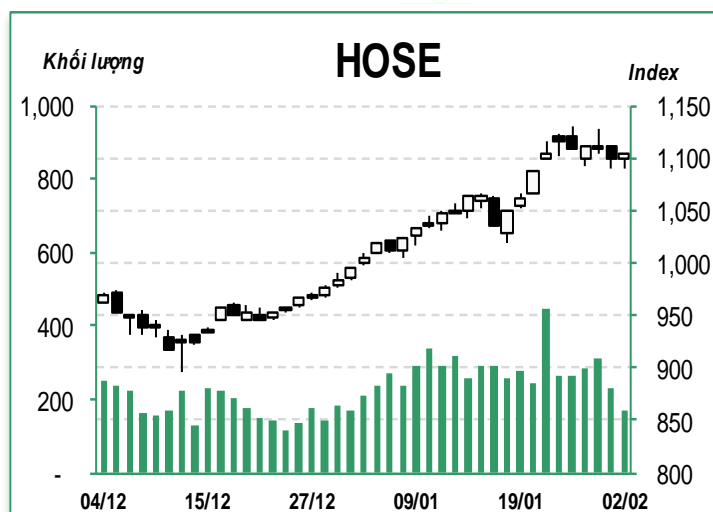


Tổng quan thị trường

2/2/2018	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,105.04	0.49%	1,090.40	0.32%	123.97	0.67%
Cuối tuần trước	1,115.64	-0.95%	1,104.42	-1.27%	126.82	-2.25%
Trung bình 20 ngày	1,072.74	3.01%	1,067.15	2.18%	123.74	0.19%
Tổng KLGD (triệu cp)	200.29	-25.59%	71.95	-22.94%	55.20	-51.81%
KLGD khớp lệnh	172.60	-25.94%	66.56	-20.95%	54.14	-47.28%
Trung bình 20 ngày	282.37	-38.87%	109.48	-39.20%	79.42	-31.84%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,992.86	-15.93%	3,648.65	-7.26%	841.42	-52.27%
GTGD khớp lệnh	5,065.82	-15.26%	3,225.72	-6.25%	829.00	-49.85%
Trung bình 20 ngày	7,388.52	-18.89%	4,170.83	-12.52%	1,231.93	-31.70%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	145	41%	19	63%	92	24%
Số mã giảm	134	38%	9	30%	94	24%
Số mã đứng giá	76	21%	2	7%	199	52%



Thị trường phiên cuối tuần trở lại với sự sụt giảm đáng kể trong thanh khoản, tuy nhiên diễn biến của các cổ phiếu trụ cột có sự phục hồi, hỗ trợ cho hai chỉ số tìm lại sắc xanh. Trong đó các cổ phiếu ngân hàng một lần nữa là động lực tăng điểm chính cho toàn thị trường cùng với nhóm thực phẩm và dầu khí khi lần lượt đóng góp cho đà tăng của VN-Index và HNX-Index.

Sắc đỏ áp đảo suốt phiên giao dịch tuy nhiên chỉ số đã tìm lại sắc xanh trong nửa phiên chiều và ghi nhận mức tăng 5 điểm khi đóng cửa. Chỉ số VN-Index chốt phiên tại mốc 1105.04 điểm (+0.49%). KLGD khớp lệnh đạt 172.6 triệu cổ phiếu (-25.9%), tương đương 5,066 tỷ đồng giá trị (-15.3%).

Ngân hàng vẫn là nhóm ngành thu hút khá tốt sự quan tâm của nhà đầu tư CTG (+2.8%), VCB (+1.2%), VPB (+3.8%). Bên cạnh đó, cổ phiếu thực phẩm – đồ uống VNM (+2.0%) sau 3 phiên giảm điểm liên tiếp cũng đã nhận được lực cầu bất đậy tích cực cùng với SAB (+0.8%) và BHN (+1.1%). Trong khi đó, cổ phiếu MSN (-1.2%) chưa thấy có sự phục hồi, có lẽ thông tin về sự sụt giảm trong hoạt động kinh doanh năm 2017 của công ty này đã được phản ánh lên giá cổ phiếu trong phiên hôm nay. Theo đó, doanh thu thuần của MSN năm 2017 giảm 13% xuống còn mức 37,621 tỷ đồng, đây là mức sụt giảm lần đầu tiên trong vòng 10 năm qua của Masan sau nhiều năm tăng trưởng mạnh mẽ. Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng tích cực trở lại với đà tăng điểm xuất hiện ở hầu hết các cổ phiếu VIC (+0.7%), VRE (+0.2%), NVL (+1.4%). Tuy vậy, các cổ phiếu xây dựng lại diễn biến trái ngược khi đà giảm điểm vẫn còn duy trì ROS (-1.6%), CTD (-4.1%), HBC (-1.4%). Cùng với đó, nhóm bán lẻ MWG (-5.7%), DGW (-0.9%) và dầu khí GAS (-1.0%), PLX (-0.9%), PMG (-4.9%) cũng diễn biến tiêu cực tương tự, riêng đối với PVD (+3.7%), cổ phiếu này sau hai phiên nằm sàn đã phục hồi trở lại sau khi lực cầu bất đậy dâng cao.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MWG	1,018.0	146.09
GTN	8,176.0	130.00
NVL	930.0	74.55
VRE	859.0	47.08
MBB	1,430.0	41.90
CTD	200.0	37.68
CTI	979.0	34.46
VJC	136.3	24.34
VNM	115.8	23.65
GMD	497.9	21.20
HNX		
V12	634.2	6.98
SJC	300.0	3.60
ACB	36.0	1.37
PVE	40.0	0.29
VE9	25.0	0.11
KLF	25.0	0.07

Khối ngoại mua ròng 197.1 tỷ đồng trên sàn HOSE (5.9%), tập trung mua ròng ở các mã MWG (+130.0 tỷ), VIC (+129.7 tỷ), PVD (+38.5 tỷ) và bán ròng chủ yếu các mã VJC (-105.5 tỷ), HPG (-41.6 tỷ), HDB (-28.9 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, chỉ số cũng duy trì khá tốt đã tăng nhẹ nhờ vào nỗ lực của cổ phiếu dầu khí PVS và các mã ngân hàng. Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại 123.97 điểm (+0.67%). KLGD khớp lệnh đạt 54.1 triệu cổ phiếu (-47.3%), tương đương 829.0 tỷ đồng giá trị (-49.9%).

Ngân hàng dẫn đầu mức tăng với bộ đôi trụ cột ACB (+1.2%), SHB (+1.6%) đồng loạt tăng điểm. Cùng với đó, các mã cổ phiếu dầu khí PVS (+5.9%), PVC (+5.5%), PVE (+1.3%) và xây dựng VCG (+2.0%), CTX (+9.9%), SJE (+8.7%) cũng đóng góp khá tốt vào đà phục hồi của HNX-Index. Trong khi đó, nhóm vật liệu xây dựng diễn biến chính vẫn là tiêu cực, đã giảm điểm vẫn duy trì ở một số mã cổ phiếu như VIT (-0.7%), VCS (-0.3%), VGC (-1.2%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng 7.7 tỷ đồng trên sàn Hà Nội, tập trung ở các mã VCG (+10.7 tỷ), SHS (+3.4 tỷ), VPI (+2.3 tỷ), trong khi đó PVS (-3.7 tỷ), VGC (-2.3 tỷ), BVS (-1.1 tỷ) dẫn đầu trong danh sách bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Xu hướng hướng chính của chỉ số có thể vẫn là phục hồi, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa trên MA 20, kèm chỉ báo xu hướng ADX nằm trên vùng 44 và đường +DI nằm trên -DI phát đi tín hiệu xác nhận xu hướng hiện tại. Tuy nhiên, khi quan sát kĩ diễn biến của chỉ số vẫn đang nằm dưới MA 50, kèm theo khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý đồng tiền có dấu hiệu thận trọng nhất định. Không những vậy, các chỉ báo kỹ thuật khác như RSI và MACD đang cho tín hiệu tiêu cực, như MACD đang cắt xuống đường Signal phát đi tín hiệu bán đang hình thành. Do đó, chỉ số có thể vẫn cần thêm một nhịp điều chỉnh kỹ thuật nữa nhằm củng cố cho xu hướng chính được bền vững hơn trong tuần tới. Ngưỡng hỗ trợ tại thời điểm hiện tại có thể là vùng 1.065 -1.066 điểm (MA 20 và Fib 78.6). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự, chỉ số có phiên đi lên đóng cửa trên đường MA 20 trở lại, kèm khối lượng giao dịch suy giảm, cho thấy tín hiệu cắt lên trên MA 20 có thể chỉ là tín hiệu nhiễu, áp lực điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số có thể là vẫn còn. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại có thể là vùng 120 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, áp lực điều chỉnh của thị trường có thể là vẫn còn, phiên tăng điểm 02/02 có thể chỉ là tín hiệu nhiễu, rủi ro đối với các vị thế ngắn hạn có thể vẫn ở mức cao. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc thận trọng với các quyết định giải ngân mới cho vị thế ngắn hạn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GIL	42.1	122.7	7.0%
TIE	9.6	0.0	7.0%
TBC	25.5	3.0	6.9%
PIT	6.8	0.0	6.9%
HID	3.9	325.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMT	9.3	4.0	-7.0%
BTT	35.3	0.2	-7.0%
HTL	33.4	0.0	-7.0%
SCD	26.7	9.2	-7.0%
DTT	9.8	0.0	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	87.2	363.5	0.7%
VJC	194.5	286.5	1.3%
CTG	28.0	249.6	2.8%
NVL	81.5	223.3	1.4%
HPG	61.1	222.1	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	16.3	13,867.7	3.5%
CTG	28.0	8,967.6	2.8%
SCR	12.1	6,678.2	1.7%
SBT	20.8	5,527.5	2.2%
MBB	31.0	5,404.7	1.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KHL	0.5	0.4	25.0%
LCS	3.3	21.8	10.0%
PIV	6.6	1,805.8	10.0%
SGH	28.6	0.3	10.0%
HLC	7.7	1.4	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
AME	12.6	20.4	-10.0%
VXB	11.7	0.3	-10.0%
CTA	0.9	8.4	-10.0%
ARM	35.6	0.2	-9.9%
HVA	4.6	107.5	-9.8%

Top 5 giá trị

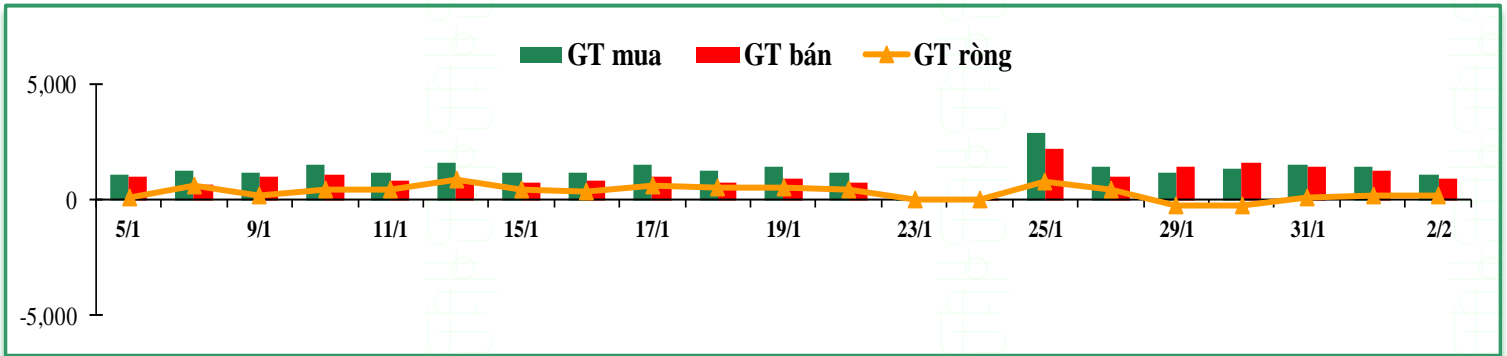
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	12.6	203.9	1.6%
ACB	41.5	157.5	1.2%
PVS	26.8	146.8	5.9%
SHS	22.3	52.2	0.9%
VCG	25.0	51.8	2.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	12.6	16,269.6	1.6%
PVS	26.8	5,607.4	5.9%
DST	3.4	4,593.5	-8.1%
ACB	41.5	3,810.5	1.2%
SHS	22.3	2,363.4	0.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,067.6	21.1%	870.5	17.2%	197.1
HNX	33.2	4.0%	25.4	3.1%	7.7
Tổng số	1,100.7		895.9		204.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	87.2	150.3	0.7%
MWG	126.6	130.0	-5.7%
VNM	207.0	119.4	2.0%
VCB	67.4	42.9	1.2%
HDB	46.0	39.7	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	207.0	111.5	2.0%
VJC	194.5	108.3	1.3%
HPG	61.1	75.1	0.2%
HDB	46.0	68.6	0.0%
CTD	186.0	51.8	-4.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	126.6	130.0	-5.7%
VIC	87.2	129.7	0.7%
PVD	26.5	38.5	3.7%
PLX	87.8	30.8	-0.9%
TTF	7.5	22.9	-2.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCG	25.0	10.7	2.0%
PVS	26.8	7.9	5.9%
SHS	22.3	4.7	0.9%
VGC	25.0	4.1	-1.2%
VPI	37.7	2.3	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	26.8	11.6	5.9%
VGC	25.0	6.4	-1.2%
BVS	20.6	1.5	-1.4%
SHS	22.3	1.3	0.9%
PHP	13.1	1.1	0.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCG	25.0	10.7	2.0%
SHS	22.3	3.4	0.9%
VPI	37.7	2.3	0.0%
SHB	12.6	1.5	1.6%
MAS	86.0	0.2	-1.2%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin trong nước

Nhiều hiệp định thương mại tự do có hiệu lực trong năm 2018

Trong lĩnh vực kinh tế, nhiều hiệp định thương mại tự do quan trọng được hoàn tất đàm phán hoặc sẽ có hiệu lực, trong đó có Hiệp định thương mại tự do VN - EU (EVFTA).

Tính đến nay Việt Nam đã là thành viên của hơn 10 FTA có tính chất toàn cầu và khu vực. Trong năm 2018, Việt Nam cũng cùng các nước vừa kết thúc đàm phán Hiệp định tự do thương mại xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) và dự kiến ký kết vào tháng 3-2018. Cùng với EVFTA, hai hiệp định này đều là những hiệp định tự do thương mại có tiêu chuẩn rất cao.

Giá phân bón vẫn tiếp tục tăng

Tính đến hết tháng 1/2018 giá phân bón tăng ở cả thị trường trong nước và thế giới. Dự báo, thời gian tới giá sẽ chịu áp lực vì nguồn cung thiếu hụt từ Trung Quốc – quốc gia sản xuất phân bón lớn trên thế giới.

Tại thị trường trong nước, giá phân bón tăng nhẹ 50-150 đồng/kg (1%-2%), đạt 11.650 – 11.800 đồng/kg đối với DAP và Ure 6.600 – 6.850 đ/kg.

Nguyên nhân tăng do giá nguyên liệu đầu vào nhập từ các nước đều tăng, bên cạnh đó thuế nhập khẩu cao, kéo giá sản xuất trong nước tăng theo.

Theo số liệu thống kê sơ bộ từ TCHQ Việt Nam, trong kỳ 1 tháng 1/2018 cả nước đã nhập siêu 154,3 nghìn tấn phân bón các loại đạt 50,3 triệu USD.

Trong đó cả nước đã nhập khẩu 184,9 nghìn tấn trị giá 59,6 triệu USD, tăng 13,8% về lượng và 39,2% về trị giá so với kỳ 2 tháng 12/2017. Giá nhập bình quân tăng 39,22%, đạt 332 USD/tấn. Trong kỳ này phân Kali có lượng nhập về nhiều nhất 41,1 nghìn tấn, trị giá 11,3 triệu USD nhưng so với kỳ 2 tháng 12/2017 giảm 28,1% về lượng và 26% trị giá. Ngược lại, lượng phân NPK chỉ nhập 9,2 nghìn tấn với 2,4 triệu USD, tăng 31,7% về lượng và 30,6% về trị giá.

Bên cạnh đó cả nước đã xuất khẩu 30,5 nghìn tấn đạt 27,9 nghìn USD, tăng 9,2% về lượng và 12,73% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân 305,2 USD/tấn, tăng 3,2% so với kỳ 2 tháng 12/2017.

Trên thị trường thế giới, giá phân bón đã tăng 5% so với tháng 12/2017, giá bình quân đạt 485 USD/tấn, trong đó DAP 456 USD/tấn tăng 2,4%; MAP 491 USD/tấn tăng 13,3% và Ure 355 USD/tấn, tăng 2,6%.

Dự báo, thời gian tới sự thiếu hụt Ure ở Châu Á và khoảng cách lớn giữa giá ở Trung Quốc và các thị trường khác có thể sẽ giữ giá Ure ở mức cao. Trong khi đó, Trung Quốc lại hầu như không xuất khẩu Ure nên người mua Châu Á phải tìm kiếm thu mua tại các thị trường khác, giá có thể sẽ còn tăng nữa.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hòa Phát bắt tay với Danieli nghiên cứu sản xuất thép không gỉ

Ngày 30/1/2018, Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất và Tập đoàn cung cấp thiết bị luyện kim hàng đầu thế giới Danieli (Italia) đã cùng khởi động dự án nghiên cứu sản xuất thép không gỉ, hay còn gọi là inox tại Việt Nam.

Dự án đang được nghiên cứu, đánh giá mức độ khả thi và lựa chọn công nghệ sản xuất tối ưu nhất. Theo bà Vương Ngọc Linh, Phó giám đốc Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, dự án có công suất 600.000 tấn/năm và có thể nâng công suất lên 1 triệu tấn/năm, dự kiến được triển khai ngay tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất

Theo nghiên cứu sơ bộ, ngành công nghiệp thép không gỉ của Trung Quốc có quy mô 39 tỷ USD và dự kiến sẽ tăng gấp đôi vào năm 2025. Năm 2017, Việt Nam đang nhập khoảng 560.000 tấn sản phẩm thép không gỉ, tăng 10% so với 2016, trong đó nhập chủ yếu là thép cuộn cán nóng, cán nguội không gỉ với 500.000 tấn, phục vụ cho sản xuất công nghiệp, cơ khí, hàng tiêu dùng trong nước.

Nhu cầu cho sản phẩm inox đang ngày càng tăng cao, trong khi Việt Nam chỉ nhập nguyên liệu về để gia công mà chưa có nhà máy nào sản xuất loại nguyên liệu đặc thù và rất có giá trị này.

CTCP Pymepharco (PME) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2017 với doanh thu thuần đạt 423,7 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,5% so với cùng kỳ, do giá vốn hàng bán tăng ít hơn nên lợi nhuận gộp tăng 6,6%, đạt 207 tỷ đồng.

Cả năm 2017, Công ty đạt 1.622 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 7,56%, lợi nhuận gộp 780 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp hơn 48%. Lãi trước thuế 359 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu nhập hơn 286 tỷ đồng, tăng 19,7%.

Vinamilk: Lợi nhuận ròng cả năm lần đầu vượt 10.000 tỷ đồng

Công ty cổ phần Sữa Việt Nam – Vinamilk (VNM – HOSE) vừa có Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2017 với lợi nhuận lũy kế cả năm ở mức 10.278 tỷ đồng, cao nhất lịch sử kể từ khi thành lập.

Tính riêng trong quý IV/2017, doanh thu của VNM đạt 12.365 tỷ đồng, tăng nhẹ hơn 4% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng nhẹ hơn 4 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm mạnh xuống còn hơn 12 tỷ đồng (cùng kỳ 33,7 tỷ đồng), trong đó, chi phí lãi vay giảm mạnh chỉ còn hơn 5 tỷ đồng (cùng kỳ 19,7 tỷ đồng).

Quý này, VNM còn ghi nhận 23,1 tỷ đồng lãi ròng từ các công ty liên doanh, liên kết, trong khi cùng kỳ lỗ 6,27 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng không đáng kể lên 3.200 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng mạnh hơn 78% lên 528 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế đạt 1.729,3 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,4% so với quý IV/2016.

Lũy kế cả năm 2017, Vinamilk đạt tổng doanh thu 51.134 tỷ đồng, tăng 8,8% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 10.278 tỷ đồng, tăng gần 10%, ghi nhận năm đầu tiên kinh doanh có lãi ròng trên 10.000 tỷ đồng. Như vậy, với kết quả này, VNM đã cùng vượt nhẹ kế hoạch doanh thu (51.000 tỷ đồng) và lợi nhuận sau thuế đề ra (9.735 tỷ đồng).

Nhà đầu tư tranh mua cổ phần Seabank, gấp đôi lượng chào bán

Lượng đặt mua là 69,8 triệu cp, cao hơn 2 lần so với lượng chào bán. Cách đây 2 năm, Mobifone chào bán cổ phần Seabank nhưng không ai mua.

Theo kết quả đăng ký đấu giá, có tổng cộng 54 nhà đầu tư tham gia đăng ký mua hơn 69,8 triệu cp, gấp đôi lượng chào bán là 33,4 triệu cp. Trong đó, 6 NĐT tổ chức muốn gom 33,45 triệu cp và 48 cá nhân đăng ký 36,35 triệu cp.

Thời hạn nộp phiếu đấu giá chậm nhất vào 16 giờ 00 phút ngày 05/02/2018. Thời gian tổ chức đấu giá lúc 08 giờ 30 phút ngày 07/02/2018.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	LN dự kiến	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VIC	Nắm giữ	19/12/2017	87.2	74.0	17.8%	93.2	70.0	26%	-5%	Xu hướng tăng vẫn được duy trì

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	LN dự kiến	Lỗ dự kiến	Ghi Chú
1	VIC	Nắm giữ	19/12/2017	87.2	74.0	17.8%	93.2	70.0	26%	-5%	Nâng giá mục tiêu lên 93.2 ngàn
2	MBB	Nắm giữ	19/12/2017	31.0	24.1	28.6%	34.5	22.6	43%	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 34.5 ngàn
3	SHB	Nắm giữ	28/12/2017	12.6	8.5	48.2%	14.0	8.2	65%	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 14 ngàn
4	VRE	Nắm giữ	3/1/2018	55.1	47.4	16.4%	71.7	45.6	51%	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 71.7 ngàn
5	ACB	Mua	22/1/2018	41.5	39.5	5.1%	43.0	37.3	9%	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 43 ngàn
6	BMP	Mua	31/1/2018	86.1	86.4	-0.3%	96.7	82.0	12%	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018E (tỷ)	EPS 2018E	BV 2018E	ROE 2018E	ROA 2018E	PE 2018E	PB 2018E	Cổ tức dự kiến**
KDF (New)	UPCOM	59,400	73,000	26/01/2018	211	3,750	14,161	25%	15%	23.6	4.5	N/A
BSR (New)	N/A	N/A	27,343	26/01/2018	9,253	2,984	13,168	24%	14%	15.0	3.4	N/A
HVN (New)	UPCOM	53,200	46,300	09/01/2018	2,756	1,904	14,032	15%	3%	24.0	3.2	10%
HUT (New)	HNX	10,400	15,408	27/12/2017	514	1,926	16,117	12%	4%	8.0	1.0	N/A
DBD (New)	UPCOM	53,000	61,168	28/12/2018	170	3,242	31,979	17%	20%	19.0	1.9	15%
PME	HOSE	83,000	103,340	18/12/2017	335	4,669	32,028	17%	14%	22.0	3.2	20%
PLP	HOSE	20,200	28,591	07/12/2017	64.40	4,291	10,000	29%	14%	5.8	1.6	N/A
GAS	HOSE	121,000	96,900	08/12/2017	5,286	5,286	10,114	23%	16%	18.4	4.1	25%
DCM	HOSE	13,000	14,700	17/11/2017	737	1,393	11,394	12%	6%	11.0	1.3	10%
IMP	HOSE	64,000	72,390	15/11/2017	133	3,101	27,279	11%	9%	23.0	2.7	10%
CVT	HOSE	46,500	58,300	10/11/20017	197	6,966	18,497	38%	17%	8.7	3.1	30-35%
NTP	HOSE	65,600	67,100	01/11/2017	472	5,285	23,323	24%	13%	12.7	2.9	25%
TLG	HOSE	99,000	109,000	24/10/2017	265	5,316	20,398	24%	16.5%	10.7	3.08	20%
VDP	HOSE	35,300	42,816	23/10/2017	47	3,646	29,669	12%	9%	11.7	1.4	n/a
TRA	HOSE	114,000	123,593	19/10/2017	249	6,000	27,247	22%	16%	20	4.5	30%
BMP	HOSE	86,100	78,300	20/10/2017	460.0	6,029	31,593	20%	15%	13.0	2.0	25%
HAR	HOSE	9,370	14,871	03/10/2017	42.5	420	11,784	4%	3%	30.1	1.1	N/A
MWG	HOSE	126,600	122,000	28/09/2017	2,165	6,888	25,080	27%	8%	14.3	6.3	n/a
NKG	HOSE	39,700	41,200	29/09/2017	782	6,018	22,845	34%	11%	7.0	2.0	15%
LAS	HNX	13,800	23,400	22/09/2017	172	1,527	11,390	13%	6%	12.0	2.0	10%
PAC	HOSE	40,500	60,520	20/09/2017	165	3,558	17,463	20%	8%	14.6	3.0	23%
VNM	HOSE	207,000	167,000	18/09/2017	11,664	8,036	16,867	47%	36%	18.7	8.0	n/a

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2016 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.